

Số: 81 /BHXH-TCKT

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2017

V/v hướng dẫn một số nội dung về
hạch toán, tạm ứng, thanh quyết toán
kinh phí KCB BHYT đối với người
làm công tác cơ yếu do BHXH tỉnh
phát hành thẻ BHYT

Kính gửi:

- Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Bắc;
- Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Nam;

Thực hiện Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (BHYT) đối với quân đội nhân dân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu; Thông tư liên tịch số 85/2016/TTLT-BQP-BYT-BTC ngày 20/6/2016 của liên Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện BHYT với quân nhân và người làm công tác cơ yếu, Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam hướng dẫn BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là BHXH tỉnh), Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Bắc, Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Nam một số nội dung sau:

I. Thu BHYT

Căn cứ số thu BHYT của đối tượng cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ BHYT phát sinh trong năm, BHXH tỉnh quản lý và hạch toán theo quy định hiện hành. Trên các báo cáo quyết toán thu (*mẫu B02a-TS, B02b-TS thuộc nhóm do ngân sách nhà nước đóng*), báo cáo tài chính (F07a-IBH, F07b-II-IBH, F07c-IBH) tách riêng đối tượng quy định tại Mục này.

Đối với người làm công tác cơ yếu đã được Ban Cơ yếu Chính phủ cấp thẻ khám bệnh, chữa bệnh (KCB) đến hết năm 2016 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2014/TTLT-BQP-BTC-BYT ngày 14/02/2014 của liên Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện một số tiêu chuẩn vật chất hậu cần và chế độ chăm sóc y tế đối với người làm công tác cơ yếu, BHXH tỉnh thực hiện thu và cấp thẻ BHYT từ ngày 01/01/2017.

II. Chi KCB BHYT

1. Trích chuyển kinh phí và thanh quyết toán chi phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị

1.1. Thông báo số kinh phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị

Hàng quý, căn cứ vào số thẻ BHYT do cơ quan BHXH đã cấp và số thu BHYT tương ứng của đối tượng làm công tác cơ yếu, Phòng Thu lập Thông báo kinh phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị bằng 10% số thu BHYT (mẫu số 01/TCKT ban hành kèm theo văn bản này) và thực hiện:

- Gửi thông báo cho cơ quan tài chính các Bộ, Ngành, địa phương;
- Chuyển Phòng Kế hoạch - Tài chính để trích chuyển kinh phí và Phòng Cấp sổ, thẻ để đối chiếu, theo dõi.

1.2. Trích chuyển kinh phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị

a) Căn cứ kinh phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị được thông báo tại mẫu số 01/TCKT do Phòng Thu chuyển đến, Phòng Kế hoạch - Tài chính thực hiện trích chuyển cho cơ quan tài chính các Bộ, Ngành, địa phương.

b) Cơ quan tài chính các Bộ, Ngành, địa phương căn cứ vào thông báo tại mẫu số 01/TCKT chuyển kinh phí đến cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý sử dụng theo quy định.

1.3. Thanh quyết toán chi phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị

a) Nội dung chi: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 85/2016/TTLT-BQP-BYT-BTC.

b) Hàng quý, cơ quan, đơn vị lập báo cáo quyết toán kinh phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị (mẫu số 02/TCKT ban hành kèm theo văn bản này) để quyết toán với cơ quan tài chính cấp trên.

c) Hàng quý, cơ quan Tài chính các Bộ, ngành, địa phương tổng hợp, lập báo cáo theo mẫu số 02/TCKT để quyết toán với BHXH tỉnh.

d) Quyết toán chi phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị theo số kinh phí cơ quan BHXH đã trích chuyển cho cơ quan, đơn vị. Số kinh phí này được tổng hợp riêng và không thực hiện cân đối với quỹ KCB BHYT của BHXH tỉnh.

1.4. Hạch toán

a) BHXH tỉnh, BHXH huyện mở thêm Tài khoản ngoài bảng “020 - Kinh phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị của đối tượng làm công tác cơ yếu” để phản ánh số kinh phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị của đối tượng làm công tác cơ yếu.

Kết cấu:

Bên Nợ: Số kinh phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị của đối tượng làm công tác cơ yếu đã trích chuyển cho cơ quan Tài chính Bộ, ngành, địa phương.

Bên Có: Số kinh phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị đã chi và quyết toán với cơ quan BHXH.

Số dư bên Nợ: Phản ánh số kinh phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị của đối tượng làm công tác cơ yếu đã trích chuyển nhưng chưa quyết toán.

b) Hạch toán

- Hàng quý, căn cứ vào kinh phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị được trích tại mẫu số 01/TCKT do Phòng Thu chuyển đến, Phòng Kế hoạch - Tài chính ghi:

Nợ TK 673 - Chi BHYT

Có TK 343 - Thanh toán về chi các loại bảo hiểm (3435)

Đồng thời ghi Nợ TK 020 - Kinh phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị của đối tượng làm công tác cơ yếu.

- Khi cơ quan BHXH chuyển cho cơ quan Tài chính Bộ, ngành, địa phương khoản kinh phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị của đối tượng làm công tác cơ yếu, ghi:

Nợ TK 343 - Thanh toán về chi các loại bảo hiểm (3435)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

- Hàng quý, căn cứ vào báo cáo quyết toán (mẫu số 02/TCKT) do cơ quan Tài chính các Bộ, ngành, địa phương gửi, cơ quan BHXH tổng hợp số kinh phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị đã chi, ghi:

Có TK 020 - Kinh phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị của đối tượng làm công tác cơ yếu.

2. Tạm ứng, thanh toán, quyết toán chi phí KCB BHYT

2.1. Tạm ứng kinh phí KCB BHYT

a) BHXH Việt Nam tạm ứng kinh phí cho BHXH tỉnh để tạm ứng kinh phí KCB BHYT cho các cơ sở y tế theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Quyết định số 1399/QĐ-BHXH ngày 22/12/2014 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về việc tổ chức thực hiện BHYT trong khám bệnh, chữa bệnh.

b) Về mẫu biểu

- Cơ sở KCB

Tổng hợp chi phí KCB BHYT của đối tượng làm công tác cơ yếu vào mẫu QNCAa-HD ban hành kèm theo Công văn số 2032/BHXH-CSYT ngày 03/6/2016 của BHXH Việt Nam về việc hướng dẫn giải quyết một số vướng mắc trong thực hiện chính sách BHYT gửi BHXH tỉnh theo quy định.

- BHXH tỉnh

+ Lập Bảng tổng hợp đề nghị tạm ứng kinh phí KCB BHYT mẫu số 12/BHYT ban hành kèm theo văn bản này để tạm ứng cho cơ sở KCB và đề nghị BHXH Việt Nam cấp tạm ứng kinh phí.

+ Tổng hợp chi phí KCB BHYT của đối tượng làm công tác cơ yếu do BHXH tỉnh khác phát hành thẻ đến KCB tại các cơ sở KCB trên địa bàn tỉnh vào

mẫu số 11/BHYT ban hành kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-BHXH (tách riêng dòng chi phí KCB BHYT của đối tượng làm công tác cơ yếu).

2.2. Thanh quyết toán kinh phí KCB BHYT

Việc tổng hợp chi phí KCB BHYT của đối tượng làm công tác cơ yếu được phân tích độc lập với các đối tượng tham gia BHYT khác theo nguyên tắc quy định tại Khoản 1 Điều 15 Thông tư liên tịch số 85/2016/TTLT-BQP-BYT-BTC, BHXH tỉnh:

a) Lập mẫu QNCAb-HD ban hành kèm theo Công văn số 2032/BHXH-CSYT.

b) Hàng quý, thực hiện thanh quyết toán chi phí KCB BHYT với cơ sở y tế theo quy định hiện hành.

c) Hàng quý, tổng hợp và lập báo cáo thanh quyết toán riêng chi phí KCB BHYT theo mẫu số 15/BHYT-QNCA ban hành kèm theo công văn này để tổng hợp, báo cáo BHXH Việt Nam.

III. Hướng dẫn mẫu biểu, hạch toán kế toán quyết toán chi phí KCB BHYT

1. Nguyên tắc

Việc cân đối quỹ KCB BHYT của đối tượng làm công tác cơ yếu do cơ quan BHXH phát hành thẻ BHYT được cân đối chung trên phạm vi toàn quốc và thực hiện tại BHXH Việt Nam không thực hiện cân đối tại BHXH tỉnh.

2. Mẫu biểu, báo cáo tổng hợp và quyết toán kinh phí KCB BHYT

2.1. BHXH tỉnh

a) Hàng quý, lập Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí KCB BHYT của đối tượng người làm công tác cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ BHYT (mẫu số 03/TCKT ban hành kèm theo văn bản này).

b) Hàng quý, tổng hợp kinh phí và chi phí KCB BHYT của đối tượng người làm công tác cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ BHYT chung với chi phí KCB BHYT của các đối tượng khác tại Báo cáo Tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí KCB BHYT, BHTN (mẫu số B08b-BH ban hành kèm theo Thông tư số 178/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho BHXH Việt Nam).

2.1. BHXH Việt Nam

a) Hàng năm, tổng hợp kinh phí và chi phí KCB BHYT lập Báo cáo Tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí chi BHXH, BHYT, BHTN (mẫu số B08c-BH ban hành kèm theo Thông tư số 178/2012/TT-BTC) từ mẫu số B08b-BH, mẫu số 03/TCKT và các mẫu biểu liên quan khác.

b) Lập báo cáo Tổng hợp, quyết toán chi phí KCB BHYT và cân đối quỹ KCB BHYT của đối tượng làm công tác cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ BHYT trên phạm vi toàn quốc (mẫu số 04/TCKT ban hành kèm theo văn bản này).

3. Sử dụng quỹ KCB BHYT theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 70/2015/NĐ-CP

3.1. Trường hợp quỹ KCB có số chi KCB nhỏ hơn số thu được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Thông tư liên tịch số 85/2016/TTLT-BQP-BYT-BTC. Hàng năm, căn cứ vào số liệu quyết toán BHXH Việt Nam báo cáo Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam xem xét, xử lý:

3.2. Trường hợp quỹ KCB có số chi KCB lớn hơn số thu:

a) Trường hợp số chi KCB của các đối tượng cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ trên phạm vi cả nước vượt quỹ và chi phí vượt quỹ là chi phí trong phạm vi mức hưởng, hạch toán như sau:

Chuyển tiền từ quỹ dự phòng KCB BHYT sang quỹ KCB BHYT (theo số tiền vượt quỹ), ghi:

Nợ TK 476 – quỹ dự phòng KCB BHYT

Có TK 473 – quỹ KCB

b) Trường hợp số chi KCB của các đối tượng cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ trên phạm vi cả nước vượt quỹ và chi phí vượt quỹ là chi phí ngoài phạm vi mức hưởng, hạch toán như sau:

Chi phí KCB vượt quỹ ngoài phạm vi mức hưởng ngân sách nhà nước phải cấp bổ sung

Nợ TK 311 – Các khoản phải thu (311888)

Có TK 473 – Quỹ KCB

Khi Bộ Tài chính chuyển tiền về BHXH Việt Nam

Nợ TK 112 – Tiền gửi ngân hàng, kho bạc

Có TK 311 – Các khoản phải thu (311888)

c) Khi BHXH Việt Nam chuyển kinh phí chi vượt quỹ KCB BHYT cho BHXH tỉnh, ghi:

Nợ TK 352 - Thanh toán về chi các loại bảo hiểm giữa Trung ương với tỉnh

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư liên tịch số 85/2016/TTLT-BQP-BYT-BTC, đối với các cơ sở KCB áp dụng Khoản 6 Điều 11 Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện BHYT thì từ ngày 01/01/2016 chi phí KCB của nhóm đối tượng cơ yếu (mã CY) trừ chi phí ngoài phạm vi quỹ BHYT chi trả được tính vào tổng mức thanh toán KCB của cơ sở y tế đó. BHXH tỉnh thực hiện điều

chính vào quyết toán quý IV phân chi phí của đối tượng cơ yếu trong phạm vi BHYT phát sinh từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 được tính trong trần như các đối tượng tham gia BHYT khác, chi phí của đối tượng cơ yếu ngoài phạm vi BHYT được tính ngoài trần đa tuyến đến.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị đơn vị phản ánh kịp thời về BHXH Việt Nam (Vụ Tài chính - Kế toán) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Các PTGD (để biết);
- Các đơn vị: Thu, CSYT;
- Lưu: VT, TCKT (2b).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đình Khương

Mẫu số 01/TCKT
(Ban hành kèm theo Công văn số 81/BHXH-TCKT
ngày 09/01/2017 của BHXH Việt Nam)

BHXH tỉnh.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phòng.....

THÔNG BÁO KINH PHÍ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
TẠI Y TẾ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
Tháng.....năm

1. Tên cơ quan/đơn vị:.....
2. Mã cơ quan/đơn vị:.....
3. Địa chỉ:.....
4. Số hiệu tài khoản:.....
5. Nơi mở tài khoản:.....
6. Số thu BHYT:.....đồng.
7. Kinh phí khám bệnh, chữa bệnh tại y tế cơ quan/đơn vị (10% số thu):... đồng.

Người lập
(Ký, ghi rõ Họ và tên)

Trưởng phòng Thu
(Ký, ghi rõ Họ và tên)

Giám đốc BHXH tỉnh
(Ký, ghi rõ Họ và tên)

Đơn vị quản lý cấp trên:.....
Đơn vị báo cáo:

Mẫu số 02/TCKT
Ban hành kèm theo Công văn số 81/BHXH-TCKT
ngày 09/01/2017 của BHXH Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN KINH PHÍ KCB, TẠI Y, TẾ GƠ QUAN, ĐƠN VỊ
Quý.....Năm.....

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền (đồng)
A	B	C	I
I	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang	01	
II	Kinh phí được trích trong kỳ	02=03+04	
1	Kinh phí cơ quan BHXH đã chuyển	03	
2	Kinh phí cơ quan BHXH còn phải chuyển	04	
III	Kinh phí được sử dụng trong kỳ	05=01+02	
V	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong kỳ	06=07+08+...+12	
1	Thuốc	07	
2	Bông băng	08	
3	Hóa chất	09	
4	Vật tư y tế tiêu hao	10	
5	Chi phí dịch vụ kỹ thuật y tế	11	
6	Chi phí phục hồi chức năng	12	
VI	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau	13=05-06	

Người lập biểu
(Ký, họ và tên)

....., ngày....., tháng.....năm
Cơ quan quản lý Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ và tên) (Ký, họ và tên)

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI
BHYT CỦA ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC CƠ YẾU
DO BHXH TỈNH PHÁT HÀNH THẺ BHYT**

Quý Năm

TT	Chi tiêu	C	Trong kỳ			Lũy kế từ đầu năm		
			Tổng số	Trong phạm vi	Ngoài phạm vi	Tổng số	Trong phạm vi	Ngoài phạm vi
A	B	C	1	2	3	4	5	6
1.	Kinh phí y tế cơ quan, đơn vị (10% số thu BHYT)	01						
2	Chi trực tiếp cho đối tượng	02						
2.1	Chi KCB BHYT tại tỉnh	03						
2.2	Chi KCB BHYT đa tuyến đi	04						
3	Chi cho cơ sở KCB	05						
3.1	Chi KCB BHYT tại tỉnh	06						
3.2	Chi KCB BHYT đa tuyến đi	07						
4	Chi kết dư quỹ KCB định suất	08						
5	Chi thanh toán cho cơ sở KCB năm trước đưa vào quyết toán năm nay	09						
5.1	Chi KCB BHYT tại tỉnh	10						
5.2	Chi KCB BHYT đa tuyến đi	11						
6	Khác	12						
	Tổng cộng: (01+02+05+08+09+12)	13						

BÁO CÁO TỔNG HỢP KINH PHÍ VÀ CHI PHÍ KHÁM CHỮA BỆNH BHYT

Năm:

ST T	Đơn vị	Số thu BHYT	Quý KCB BHYT	Tổng số	Chi phí KCB BHYT				Cân đối quỹ			
					Chi phí KCB BHYT tại tỉnh		Chi phí KCB đa tuyến đi		Số Chi < Số thu	Số Chi > Số thu	Trong đó	
					Trong phạm vi	Ngoài phạm vi	Trong phạm vi	Ngoài phạm vi			Chi phí vượt quỹ trong phạm vi	Chi phí vượt quỹ ngoài phạm vi
					4	5	6	7			8=2-3>0	9=2-3<0; =10+11
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=2-3>0	9=2-3<0; =10+11	10	11
1	Hà Nội											
2	TP Hồ Chí Minh											
3												
4												
5												
6											
	BHXH Bộ Quốc phòng											
	BHXH Công an nhân											
	Cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành											
	Cộng											

Người lập biểu
(Ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Ngày ...tháng...năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ và tên)

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG KINH PHÍ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ QUÝ .../....**

Kính gửi:

Đơn vị: Đồng

STT	Tên cơ sở y tế	Tổng chi phí khám, chữa bệnh BHYT cơ sở đề nghị quyết toán quý trước								Chi phí đề nghị cấp tạm ứng
		Tổng cộng	Chi phí KCB BHYT đối tượng theo Nghị định số 105/2014/NĐ-CP			Chi phí KCB BHYT đối tượng theo Nghị định số 70/2015/NĐ-CP (bao gồm cả trong phạm vi thanh toán của quỹ BHYT và ngoài phạm vi thanh toán BHYT)				
			Cộng	Bệnh nhân nội tinh KCB ban đầu	Bệnh nhân nội tinh đến	Bệnh nhân ngoại tinh đến	Cộng	Bệnh nhân nội tinh (cán bộ cơ yếu do BHXH tinh phát hành thẻ)	Bệnh nhân ngoại tinh đến (do BHXH BQP, BCA phát hành thẻ)	
A	B	1=2+6	2=3+4+5	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9=80% x cột 1
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
8										
Tổng cộng										

Người lập biểu

Phó Trưởng phòng KH-TC

Giám đốc

BÁO CÁO THANH QUYẾT TOÁN CHI PHÍ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ
 của đối tượng quân đội, công an, cơ yếu
 Quý ... Năm.....

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Mã số	Phát sinh trong kỳ		Lũy kế	
			Số lượt/ số thẻ	Số tiền	Số lượt/ số thẻ	Số tiền
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4)
I	CHI KCB ĐÃ THẨM ĐỊNH TẠI CƠ SỞ Y TẾ	(1)				
1	Bệnh nhân trong tỉnh (đối tượng cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ)	(2)				
1.1	<i>Trong phạm vi BHYT</i>	(3)				
1.2	<i>Ngoài phạm vi BHYT</i>	(4)				
2	Bệnh nhân tỉnh khác	(5)				
2.1	Đối tượng do BHXH Bộ quốc phòng phát hành thẻ	(6)				
2.1.1	<i>Trong phạm vi BHYT</i>	(7)				
2.2.2	<i>Ngoài phạm vi BHYT</i>	(8)				
2.2	Đối tượng do BHXH Công an nhân dân phát hành thẻ	(9)				
2.2.1	<i>Trong phạm vi BHYT</i>	(10)				
2.2.2	<i>Ngoài phạm vi BHYT</i>	(11)				
2.3	Đối tượng cơ yếu do BHXH tỉnh khác phát hành thẻ	(12)				
2.3.1	<i>Trong phạm vi BHYT</i>	(13)				
2.3.2	<i>Ngoài phạm vi BHYT</i>	(14)				
II	CHI THANH TOÁN TRỰC TIẾP	(15)				
1	Bệnh nhân trong tỉnh (đối tượng cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ)	(16)				
1.1	<i>Trong phạm vi BHYT</i>	(17)				
1.2	<i>Ngoài phạm vi BHYT</i>	(18)				
2	Bệnh nhân tỉnh khác	(19)				
2.1	Đối tượng do BHXH Bộ quốc phòng phát hành thẻ	(20)				
2.1.1	<i>Trong phạm vi BHYT</i>	(21)				
2.2.2	<i>Ngoài phạm vi BHYT</i>	(22)				
2.2	Đối tượng do BHXH Công an nhân dân phát hành thẻ	(23)				
2.2.1	<i>Trong phạm vi BHYT</i>	(24)				
2.2.2	<i>Ngoài phạm vi BHYT</i>	(25)				
2.3	Đối tượng cơ yếu do BHXH tỉnh khác phát hành thẻ	(26)				
2.3.1	<i>Trong phạm vi BHYT</i>	(27)				
2.3.2	<i>Ngoài phạm vi BHYT</i>	(28)				
III	TRÍCH CHUYỂN 10% SỐ THU CỦA ĐỐI TƯỢNG CƠ YẾU DO BHXH TỈNH PHÁT HÀNH THẺ CHO Y TẾ CƠ QUAN	(29)				
IV	CHI KCB TẠI TỈNH ĐÃ QUYẾT TOÁN	(30)				
1	Chi KCB trong kỳ	(31)				
1.1	Bệnh nhân trong tỉnh KCB tại tỉnh	(32)				

09889340

1.2	Bệnh nhân ngoại tỉnh đến (thẻ BHYT QN,CA,CY do BHXH BQP, BCA và BHXH tỉnh khác phát hành)	(33)				
2	Chi KCB kỳ trước quyết toán tăng/giảm vào kỳ này	(34)				
2.1	Bệnh nhân trong tỉnh KCB tại tỉnh	(35)				
2.2	Bệnh nhân ngoại tỉnh đến (thẻ BHYT QN,CA,CY do BHXH BQP, BCA và BHXH tỉnh khác phát hành)	(36)				
V	CHI KCB TẠI TỈNH CHƯA QUYẾT TOÁN	(37)				
1	Bệnh nhân trong tỉnh KCB tại tỉnh	(38)				
2	Bệnh nhân ngoại tỉnh đến (thẻ BHYT QN,CA,CY do BHXH BQP, BCA và BHXH tỉnh khác phát hành)	(39)				
VI	QUỸ KCB ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG KỲ	(40)				

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng GD BHYT
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng KHTC
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Mã số (1): Tổng chi KCB BHYT của các đối tượng QN, CA, CY phát sinh tại các cơ sở y tế trong tỉnh
Căn cứ số liệu tại biểu QNCA-HD do cơ quan BHXH lập ban hành kèm theo Công văn 2032/BHXH-CSYT

Mã số (2) : Chi KCB của bệnh nhân cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ

Các Mã số (3),(7),(10),(13) chi trong phạm vi BHYT lấy dữ liệu tại cột 14 mẫu QNCA-HD

Các Mã số (4),(8),(11),(14) chi ngoài phạm vi BHYT lấy số liệu tại cột 15 mẫu QNCA-HD

Mã số (5): chi KCB của bệnh nhân đối tượng QN, CA, CY do BHXH Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, BHXH tỉnh khác phát hành thẻ KCB tại tỉnh

Mã số (29): ghi bằng 10% số thu đã trích chuyển cho y tế cơ quan để thực hiện khám, chữa bệnh theo Khoản 2, Điều 8 Thông tư 85/2016/TTLT-BQP-BYT-BTC

Mã số (40): Quỹ KCB của đối tượng cơ yếu do tỉnh phát hành thẻ trong kỳ. Nguồn quỹ này không phân bổ cho cơ sở y tế mà hạch toán riêng